

Bài học ngày 8.6.2021

**CHÁN ĐỜI NHƯNG BIẾT LÀM CHI ĐÂY?**  
**Kinh Bốn Bánh Xe (Catucakkasuttam)**  
**CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG CHƯ THIÊN, PHẨM KIỂM (S.i.16)**

*Không phải ai trong cuộc đời cũng không thấy được cái đáng chán của cuộc sống. Một số biết vậy nhưng chẳng biết phải làm gì. Trong bài kinh này một vị thiên đã nói lên mặt thật của cuộc sống nhưng không làm gì khác hơn vì vốn không biết phải làm gì. Đức Phật dạy rõ: chán ghét không có nghĩa không dính mắc. Nghe mâu thuẫn nhưng kỳ thật chúng sanh thường tình là vậy: “khổ thời biết khổ mê thời vẫn mê”. Vấn đề không phải là sự đáng nhàm, đáng chán của cuộc sống mà chính là ở chỗ sự khao khát muôn thuở dưới nhiều dạng thức: ý muốn, tham chấp, cố đạt được bất chấp thủ đoạn (ác).*



**Kinh Văn**

**Sāvattṇidānaṃ . Ekamantaṃ tṭhīta kho sā devatā bhagavato santike imaṃ gāthaṃ abhāsi :**

... Nhân duyên ở (Sāvattṇī), Đứng một bên, vị Thiên ấy nói lên bài kệ này trước mặt Thế Tôn:

(Vị Thiên)

*Sanh thú người như vậy,  
Tương lai sẽ thế nào?*

**'Catucakkaṃ navadvāraṃ,  
puṇṇaṃ lobhena saṃyutaṃ.  
Paṅkajātaṃ mahāvīra,  
kathaṃ yātrā bhavissatīti..**

Bản hiệu đính:

*(Xe) bốn bánh, chín cửa  
Đầy ứ, hệ lụy tham  
Sanh ra từ ao tù  
Ôi thưa Bạc Đại Hùng  
Vượt thoát bằng cách nào?*

*Bốn bánh xe, chín cửa,  
Đầy ứ, hệ lụy tham,  
Chìm đắm trong bùn nhơ,  
Ôi, thưa bạc Đại Hùng,*

(Thế Tôn):

'Chetvā naddhiṃ varattañca,  
icchā lobhañca pāpakaṃ.  
Samūlaṃ taṇhamabbuyha,  
evaṃ yātrā bhavissatīti..

*Cắt hỷ và buộc ràng,  
Dục tham và tà ác,*



**Thích văn**

**catucakka:** bốn bánh xe  
**navadvāra:** chín cửa  
**puṇṇa:** chứa đầy, đầy ắp  
**lobhena saṃyutaṃ:** kết cấu với tham ái  
**pañkajāta:** sanh ra từ bùn nhơ, sanh ra từ ao tù  
**mahāvīra:** ôi đáng đại hùng  
**kathaṃ yātrā bhavissatīti:** nên làm thế nào  
**chetvā:** sau khi cắt đứt  
**naddhi:** dây trời  
**varatta:** dây cột  
**icchā:** ước muốn  
**lobha:** tham lam  
**pāpaka:** điều ác  
**samūlaṃ:** với cội rễ  
**taṇhamabbuyha:** bứng nhổ khát ái  
**evaṃ yātrā bhavissatīti:** hãy làm như vậy

*Ái căn được đoạn tận,  
Sanh thú sẽ như vậy.*

**Bản hiệu đính:**

*Cắt đứt dây cột trời  
Dục, tham và ác quấy  
Bứng cội rễ khát ái  
Hãy nên làm như vậy.*



## Thích nghĩa

*Nhiều chi tiết cần được giải thích từ Sớ giải trong bài kinh này.*

*Xe bốn bánh, chín cửa chỉ cho xác thân với bốn tư thế (đi, đứng, nằm, ngồi) và cửu khiếu (hai mắt, hai tai, hai mũi, miệng, đường tiểu, đường đại)*

*“Chứa đầy” chỉ cho 32 thể trược (tóc, lông, móng, răng, da...)*

*Tương hợp với tham ái chỉ cho sự dính mắc đối với thân*

*Sanh ra từ bần như, ao tù chỉ cho tám thân sanh ra từ thai bào*

*Dây trói chỉ chi chấp thủ (upādāna)*

*Dây cột chỉ cho nhưng dính mắc bên cạnh chấp thủ như ước muốn...*

*Điều ác chỉ cho sở hành sai quấy do lòng tham.*

**Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu  
Biên soạn Giáo trình: Tỳ kheo Giác Đăng**

**-ooOoo-**

## 9. Catucakkasuttam [Mūla]

29. "Catucakkam navadvāram, puṇṇam lobhena saṃyutam.  
Pañkajātam mahāvīra, katham yātrā bhavissatīti..  
"Chetvā naddhiṃ varattañca, icchā lobhañca pāpakam.  
Samūlam taṇhamabbuyha, evam yātrā bhavissatīti..

## 9. Catucakkasuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

29. Navame **catucakkanti** catuiriyāpatham. Iriyāpatho hi idha cakkanti adhippeto. **Navadvāranti** navahi vaṇamukhehi navadvāram. **Puṇṇanti** asucipūram. **Lobhena saṃyutanti** taṇhāya saṃyuttam. **Katham yātrā bhavissatīti** etassa evarūpassa sarīrassa katham niggamanam bhavissati, katham mutti parimutti samatikkamo bhavissatīti pucchati. **Naddhinti** upanāham, pubbakāle kodho, aparakāle upanāhoti evam pavattam balavakodhanti attho. **Varattanti** “chetvā naddhi varattañca, sandānam sahanukkama”nti gāthāya (dha. pa. 398; su. ni. 627) taṇhā **varattā**, diṭṭhi **sandānam** nāma jātam. Idha pana pāḷiniddiṭṭhe kilese ṭhapetvā avasesā “varattā”ti veditabbā, iti kilesavarattañca chetvāti attho. **Ichchā lobhanti** ekoyeva dhammo icchanatṭhena icchā, lubbhanaṭṭhena lobhoti vutto. Paṭhamuppattikā vā dubbalā icchā, aparāparuppattiko balavā lobho. Aladdhapatthanā vā icchā, paṭiladdhavatthumhi lobho. **Samūlam taṇhanti** avijjāmūlena samūlakam taṇham. **Abbuyhāti** aggamaggena uppāṭetvā. Sesam uttānamevāti. Navamam.